

Số: 148/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định thực hiện chính sách cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/06/2023 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/06/2016 của liên bộ Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người;



Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 05/04/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách cho sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau:

Quyết định số 1149/QĐ-ĐHCN ngày 20/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí.

Quyết định số 378/QĐ-ĐHCN ngày 16/04/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định thực hiện chính sách nội trú cho sinh viên.

Quyết định số 379/QĐ-ĐHCN ngày 16/04/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ học tập cho sinh viên.

Quyết định số 360/QĐ-ĐHCN ngày 06/04/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập sinh viên.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Kế toán, Công tác Sinh viên, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Các Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



Kiều Xuân Thực



ST. JOHN'S
18/11/1912

ST. JOHN'S
18/11/1912

AMOUNT
\$ 100

AMOUNT
\$ 100

**QUY ĐỊNH**

Thực hiện Chính sách miễn, giảm học phí; Chính sách hỗ trợ chi phí học tập; Chính sách nội trú; Chính sách Hỗ trợ học tập, Chính sách hỗ trợ HaUI cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số: 1148 /QĐ-ĐHCN, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

CHƯƠNG I**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Văn bản này quy định về việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; Chính sách hỗ trợ chi phí học tập; Chính sách nội trú; Chính sách hỗ trợ học tập, Chính sách hỗ trợ HaUI cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (sau đây gọi tắt là Nhà trường), bao gồm các nội dung về: Đối tượng; Mức hưởng; Hồ sơ; Quy định dừng cấp; Tổ chức thực hiện.

Quy định này áp dụng đối với sinh viên đang học các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng chính quy của Nhà trường.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí (MGHP); Chính sách hỗ trợ chi phí học tập (HTCPHT); Chính sách nội trú (CSNT); Chính sách hỗ trợ học tập (HTHT) được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước.

b) Chính sách hỗ trợ HaUI được lấy từ nguồn hỗ trợ sinh viên của Nhà trường.

CHƯƠNG II**CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ****Điều 3. Mức trần miễn, giảm học phí**

Mức trần miễn, giảm học phí Nhà nước cấp căn cứ theo Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023, được cấp 10 tháng/năm học và chi trả hai lần theo học kỳ chính.

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng.

Hệ đào tạo	Khối ngành	Mức trần học phí miễn giảm theo Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023			
		Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Đại học	Nghệ thuật	1.200	1.350	1.520	1.710
	Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.250	1.410	1.590	1.790

Đại học	Máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến.	1.450	1.640	1.850	2.090
	Các khối ngành sức khỏe khác	1.850	2.090	2.360	2.660
	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn.	1.200	1.500	1.690	1.910
Cao đẳng	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.248	1.328	1.360	1.600
	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000

Điều 4. Đối tượng miễn học phí

Sinh viên thuộc đối tượng miễn học phí được miễn 100% học phí theo mức trần tại Điều 3 Quy định này.

Phần chênh lệch giữa học phí Nhà nước cấp với học phí thực tế của Nhà trường thì sinh viên phải đóng bổ sung.

1. Miễn 100% học phí đối với sinh viên là người có công với cách mạng hoặc cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi của người có công với cách mạng.

Người có công với cách mạng bao gồm:

- a) Người hoạt động cách mạng đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- b) Liệt sỹ;
- c) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- d) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- e) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- f) Bệnh binh;
- g) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
- h) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- i) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;
- k) Người có công giúp đỡ cách mạng.

2. Miễn 100% học phí đối với sinh viên là người khuyết tật.

3. Miễn 100% học phí đối với sinh viên không quá 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- e) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- f) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- j) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- k) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Miễn 100% học phí đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trường hợp sinh viên ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Miễn 100% học phí đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

- a) Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chút, Ó Đu, BRâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ;

b) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

Điều 5. Đối tượng giảm học phí

Sinh viên thuộc đối tượng giảm học phí được giảm học phí theo mức trần tại Điều 3 Quy định này.

Phần chênh lệch giữa học phí Nhà nước cấp với học phí thực tế của Nhà trường thì sinh viên phải đóng bổ sung.

1. Giảm 70% học phí đối với sinh viên học hệ Cao đẳng các ngành nghề sau:

- Đối với khóa học tuyển sinh và tổ chức đào tạo trước ngày 30/07/2023: Ngành Cắt gọt kim loại.

- Đối với khóa học tuyển sinh và tổ chức đào tạo sau ngày 30/07/2023: Các ngành Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện công nghiệp, Công nghệ chế tạo máy.

2. Giảm 70% học phí đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy định này) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

Vùng đặc biệt khó khăn, xã khu vực III được xác định theo các văn bản quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

3. Giảm 50% học phí đối với sinh viên là con cán bộ, công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 6. Hồ sơ miễn, giảm học phí

Sinh viên gửi đơn đề nghị miễn giảm học phí tại Phụ lục 2 và bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí về Phòng Công tác Sinh viên (Phòng CTSV), cụ thể:

1. Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

3. Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

4. Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp đối với đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy định này.

5. Giấy khai sinh và giấy xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07) của cơ quan công an và Giấy chứng nhận vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn đối với đối tượng được quy định tại Khoản 5 Điều 4 và Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

6. Quyết định về việc được hưởng chế độ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp của cha hoặc mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này.

7. Căn cứ vào chuyên ngành học của sinh viên để quyết định miễn giảm học phí đối với đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Thời gian hoàn thành hồ sơ miễn, giảm học phí

1. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhập học, sinh viên nộp giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng MGHP được quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Sinh viên nộp 01 bộ hồ sơ cho cả thời gian khóa học, trừ các đối tượng dưới đây:

Sinh viên là đối tượng tại Khoản 4 Điều 4 Quy định này: Từ ngày 01/01 đến 28/02 hằng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo năm đó để làm căn cứ xem xét miễn giảm học phí trong năm.

Sinh viên là đối tượng tại Khoản 5 Điều 4 và Khoản 2 Điều 5 Quy định này phải nộp lại Giấy xác nhận cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn/đặc biệt khó khăn khi Nhà nước thay thế văn bản quy định vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Điều 8. Thời gian sinh viên hưởng chính sách miễn, giảm học phí

1. Quy định chung

a) Trường hợp sinh viên chưa nhận tiền MGHP trong thời gian quy định, sinh viên sẽ được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo;

b) Thời gian sinh viên nghỉ học tạm thời, bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được cấp tiền miễn, giảm học phí. Trường hợp sinh viên phải học lại, học lưu ban, kéo dài thời gian học so với thời gian thiết kế của khóa học do lý do bất khả kháng mà không phải do kỷ luật hoặc tự thôi học thì tiếp tục được hưởng chính sách tối đa 1 lần trong khóa học sao cho tổng thời gian hưởng bằng thời gian thiết kế khóa học;

c) Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học cùng cấp học và trình độ đào tạo;

Nếu sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc học cùng lúc 2 chương trình trong Trường thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi.

d) Không áp dụng miễn, giảm học phí đối với sinh viên đang hưởng lương và sinh hoạt phí khi đi học trừ trường hợp sinh viên theo chương trình, đề án được miễn học phí theo Quy định của Chính phủ;

đ) Đối với sinh viên chuyển từ hệ Đại học xuống hệ Cao đẳng: Trong thời gian học hệ Đại học, sinh viên:

- Đã hưởng MGHP đủ thời gian thiết kế khóa học của hệ Cao đẳng thì không tiếp tục hưởng MGHP khi học hệ Cao đẳng.

- Chưa hưởng MGHP đủ thời gian thiết kế khóa học của hệ Cao đẳng thì sẽ tiếp tục hưởng MGHP nhưng tổng thời gian hưởng không vượt quá tổng thời gian thiết kế khóa học của hệ Cao đẳng.

2. Thời gian kết thúc chính sách miễn giảm học phí

a) Sinh viên là đối tượng tại Khoản 4 Điều 4 của Quy định này, được hưởng chính sách từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm gia đình được công nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

b) Sinh viên là đối tượng được quy định tại Khoản 5 Điều 4 và Khoản 2 Điều 5 của Quy định này, được hưởng chính sách theo hiệu lực của văn bản quy định vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

Điều 9. Phương thức thực hiện miễn, giảm học phí

1. Sinh viên là đối tượng MGHP chỉ hoàn thành phần học phí chênh lệch giữa mức tiền miễn giảm học phí Nhà nước cấp và học phí thực tế của Nhà trường.

Tiền miễn giảm học phí sẽ được chi trả cho sinh viên khi Nhà trường nhận được nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

2. Hằng năm Nhà trường tiến hành chi trả chính sách MGHP vào tháng 5 và tháng 12.

CHƯƠNG III CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Điều 10. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên học hệ đại học chính quy là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trường hợp sinh viên ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước.

Điều 11. Mức và thời gian cấp hỗ trợ chi phí học tập

1. Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở.

2. Thời gian cấp hỗ trợ chi phí học tập 10 tháng/năm

Điều 12. Hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập

Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhập học sinh viên làm đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập tại Phụ lục 3 và nộp hồ sơ bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc các giấy tờ sau về Phòng Công tác Sinh viên:

a) Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.

b) Giấy khai sinh.

Hằng năm từ 01/01 đến 28/02 sinh viên nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trong năm đối với sinh viên thuộc đối tượng tại Điều 10 Quy định này.

Sinh viên thuộc đối tượng tại Điều 10 được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập từ ngày Nhà trường nhận được hồ sơ và không được giải quyết truy lĩnh thời gian trước khi Nhà trường nhận được hồ sơ.

Điều 13. Quy định về dừng cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

1. Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm quyết định kỷ luật có hiệu lực.

2. Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ. Trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận thì được nhận hỗ trợ chi phí học tập.

Điều 14. Phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập

1. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được chi trả cho sinh viên khi Nhà trường nhận được nguồn ngân sách Nhà nước cấp.

2. Chính sách HTCPHT được cấp vào tháng 5 và tháng 12 hằng năm.

CHƯƠNG IV CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ

Điều 15. Đối tượng được hưởng chính sách nội trú

Sinh viên học hệ Cao đẳng thuộc một trong các đối tượng sau:

1. Là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trường hợp sinh viên ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Là người dân tộc thiểu số bị khuyết tật.

3. Tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú.

4. Là người dân tộc kinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trường hợp sinh viên ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

5. Là người dân tộc kinh bị khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

Điều 16. Mức học bổng và thời gian cấp chính sách nội trú và các khoản hỗ trợ khác

1. Mức học bổng chính sách

a) Được hưởng 100% mức lương cơ sở/tháng đối với sinh viên thuộc đối tượng Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Quy định này;

b) Được hưởng mức 80% mức lương cơ sở/tháng đối với sinh viên thuộc đối tượng tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 15 Quy định này;

c) Được hưởng 60% mức lương cơ sở/tháng đối với sinh viên thuộc đối tượng tại Khoản 4 Điều 15 Quy định này.

2. Các khoản hỗ trợ khác

a) Hỗ trợ một lần số tiền 1.000.000đ/khóa đào tạo để mua đồ dùng cá nhân;

b) Hỗ trợ 150.000đ đối với sinh viên ở lại trường trong dịp tết nguyên đán;

c) Mỗi sinh viên được hỗ trợ mỗi năm một lần tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại;

- Mức 300.000đ/ năm đối với sinh viên ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Mức 200.000đ/năm đối với các đối tượng còn lại.

3. Thời gian cấp học bổng chính sách nội trú 12 tháng/ năm.

Điều 17. Hồ sơ chính sách nội trú

Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhập học sinh viên phải làm đơn đề nghị cấp chính sách nội trú tại Phụ lục 4 và cung cấp bản sao chứng thực giấy khai sinh hoặc trích lục giấy khai sinh kèm theo bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc một trong những hồ sơ sau về Phòng Công tác Sinh viên:

1. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn cấp đối với sinh viên thuộc đối tượng Khoản 1 Điều 15 Quy định này.

2. Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/thị trấn hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp Huyện về trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật sống tại cộng đồng đối với sinh viên thuộc đối tượng Khoản 2 Điều 15 Quy định này.

3. Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trường phổ thông dân tộc nội trú đối với sinh viên thuộc đối tượng tại Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

4. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/thị trấn cấp và Giấy xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07) của cơ quan công an, Giấy chứng nhận có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo đối với sinh viên thuộc đối tượng tại Khoản 4 Điều 15 Quy định này.

5. Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp Huyện về trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật

sống tại cộng đồng và giấy xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07) của cơ quan công an, Giấy chứng nhận có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo đối với sinh viên thuộc đối tượng tại Khoản 5 Điều 15 Quy định này.

6. Giấy xác nhận ở lại trường đối với sinh viên ở lại trường trong dịp tết Nguyên đán tại Phụ lục 5.

7. Sinh viên thuộc diện hưởng chính sách nội trú hằng năm từ 01/01 đến 28/02 phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo nếu thuộc đối tượng được hưởng khoản 1 và khoản 4 Điều 15 Quy định này.

Sinh viên thuộc đối tượng tại Điều 15 được hưởng chính sách nội trú từ ngày Nhà trường nhận được hồ sơ và không được truy lĩnh thời gian trước khi Nhà trường nhận được hồ sơ.

Điều 18. Quy định về dừng cấp chính sách nội trú

1. Trong thời gian tham gia khóa học, nếu sinh viên không còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách nội trú theo quy định tại Điều 15 của quy định này thì sinh viên sẽ không được hưởng chính sách nội trú từ thời điểm có hiệu lực của các giấy tờ xác nhận không còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách nội trú hoặc tính từ thời điểm hết hiệu lực của các giấy tờ cũ xác nhận thuộc đối tượng được hưởng chính sách đã nộp.

2. Sinh viên bị kỷ luật buộc thôi học hoặc nghỉ học do ốm đau, tai nạn hoặc các lý do khách quan khác không thể tiếp tục theo học. Thời gian không được hưởng chính sách nội trú tính từ ngày quyết định buộc thôi học hoặc quyết định nghỉ học có hiệu lực.

3. Sinh viên trong thời gian bị đình chỉ học tập (có thời hạn), trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận.

4. Sinh viên trong thời gian bị tạm giam, tạm giữ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

a) Nếu được tuyên bố là không có tội và tiếp tục tham gia khóa học thì sẽ được tiếp tục hưởng học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác theo quy định;

b) Nếu được tuyên bố là không có tội và không tiếp tục tham gia khóa học thì sẽ bị dừng cấp chính sách nội trú từ thời điểm quyết định nghỉ học đối với sinh viên có hiệu lực;

c) Nếu bị kết luận là có tội thì sinh viên sẽ bị dừng cấp chính sách nội trú từ thời điểm quyết định của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực.

5. Trong trường hợp sinh viên nghỉ học theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 18 Quy định này thì sẽ không được hưởng chính sách nội trú khi tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng khác.

Điều 19. Phương thức thực hiện chính sách nội trú

1. Kinh phí thực hiện chính sách nội trú được chi trả cho sinh viên sau khi Nhà trường nhận được nguồn ngân sách Nhà nước cấp.
2. Chính sách nội trú được cấp vào tháng 5 và tháng 12 hằng năm.

CHƯƠNG V CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC TẬP

Điều 20. Đối tượng áp dụng

Sinh viên đang học Đại học chính quy, Cao đẳng là người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ).

Điều 21. Mức và thời gian hỗ trợ học tập

1. Mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở.
2. Thời gian cấp hỗ trợ học tập 12 tháng/năm cho sinh viên có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

Điều 22. Hồ sơ chính sách hỗ trợ học tập

Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhập học sinh viên phải làm đơn đề nghị cấp chính sách hỗ trợ học tập tại Phụ lục 6 và bản sao chứng thực giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh về Phòng Công tác Sinh viên.

Sinh viên thuộc đối tượng tại Điều 20 được hưởng chính sách hỗ trợ học tập từ ngày Nhà trường nhận được hồ sơ và không được giải quyết truy lĩnh thời gian trước khi Nhà trường nhận được hồ sơ.

Điều 23. Quy định về dừng cấp và nguyên tắc cấp chính sách hỗ trợ học tập

1. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người nếu đồng thời học ở nhiều khoa thì chỉ được hưởng hỗ trợ một lần. Trường hợp sinh viên bị ngừng học thì thời gian ngừng học không được hưởng hỗ trợ học tập. Trường hợp sinh viên bị buộc thôi học thì không được hưởng chính sách hỗ trợ học tập ngay khi quyết định thôi học có hiệu lực.

2. Sinh viên thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất, cụ thể:

- Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học hệ Đại học chính quy được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại quy định này không được hưởng hỗ trợ chi phí học tập tại Chương 3 Quy định này.

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người học Cao đẳng được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại quy định này không được hưởng chính sách nội trú tại Chương 4 Quy định này.

Điều 24. Phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ học tập

1. Kinh phí hỗ trợ học tập được chi trả cho sinh viên khi Nhà trường nhận được nguồn ngân sách Nhà nước cấp.
2. Chính sách hỗ trợ học tập được cấp vào tháng 5 và tháng 12 hằng năm.

CHƯƠNG VII CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HAUI

Điều 25. Đối tượng áp dụng

Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đang học tập tại Nhà trường.

Điều 26. Mức hỗ trợ

Căn cứ hồ sơ, hoàn cảnh của sinh viên, thường trực đề xuất phương án.

Mức hỗ trợ tối đa bằng với học phí sinh viên phải đóng tại học kỳ sinh viên có đơn đề nghị.

Điều 27. Hồ sơ chính sách hỗ trợ HaUI

Căn cứ hồ sơ, hoàn cảnh, đơn đề nghị của sinh viên và ý kiến của đơn vị đào tạo. Thường trực hướng dẫn cung cấp hồ sơ minh chứng.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm của các đơn vị trong thực hiện chính sách

1. Phòng Công tác Sinh viên

Căn cứ quy định thực hiện chính sách cho sinh viên thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp số liệu cho phòng TCKT báo cáo, lập dự toán ngân sách theo yêu cầu của cơ quan quản lý yêu cầu của Nhà trường.
- Triển khai truyền thông quy định chính sách theo nhiều kênh thông tin đến sinh viên.
- Đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét cấp chính sách.
- Được Hiệu trưởng ủy quyền thẩm định hồ sơ đề nghị xét cấp chính sách.
- Đề xuất phương án thực hiện các trường hợp đột xuất.
- Tiếp nhận và trả lời thắc mắc khiếu nại.
- Xét chính sách và tổng hợp danh sách sinh viên được nhận chính sách trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Cung cấp danh sách sinh viên nhận chính sách cho phòng TCKT, các đơn vị đào tạo và sinh viên.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện thủ tục cấp chính sách cho sinh viên.

2. Phòng Tài chính kế toán

- Chủ trì lập báo cáo, lập dự toán ngân sách, kế hoạch theo yêu cầu của cơ quan quản lý và yêu cầu của Nhà trường.

- Thực hiện việc chi trả chính sách cho người học.

- Theo dõi, hạch toán ngân sách đảm bảo theo quy định hiện hành.

3. Các đơn vị đào tạo

- Phối hợp triển khai thông tin đến sinh viên quy định về chính sách.

- Phối hợp kiểm tra đôn đốc sinh viên nộp hồ sơ chính sách.

- Theo dõi, kịp thời nắm bắt sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Lập danh sách theo dõi sinh viên được hưởng chính sách.

Quy định này sẽ được xem xét sửa đổi, bổ sung khi có thay đổi về chính sách của Nhà nước./.

DANH MỤC**Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn**

((Kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-ĐHCN, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội))

1. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.
2. Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.
3. Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

*(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
và giáo dục đại học công lập)*

Kính gửi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:..... Khoa:.....

Mã sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)*

.....

.....

Đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí (ghi rõ tên cơ sở đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí, cấp học và trình độ đào tạo):.....

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

Người tiếp nhận hồ sơ

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 35 /2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Họ và tên:.....Dân tộc:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Khóa:.....Khoa:.....

Mã sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

.....
Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để hỗ trợ chi phí học tập theo quy định.

Người tiếp nhận hồ sơ

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

Người làm đơn
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /2016/TTLT- BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – thương binh và xã hội, Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ

(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Họ và tên:.....Dân tộc:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Khóa:.....Khoa:.....

Mã sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Điều 2 Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp)*

.....
.....
.....

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để cấp chính sách nội trú theo quy định.

Người tiếp nhận hồ sơ

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /2016/TTLT- BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – thương binh và xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN VÀ CẤP HỖ TRỢ
(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập)

Kính gửi: - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Phòng Công tác Sinh viên

Họ và tên:.....Dân tộc:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Khóa:.....Khoa:.....

Mã sinh viên:.....

Đề nhà trường cấp tiền hỗ trợ ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán năm theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. Tôi làm đơn này để nghị Phòng Công tác Sinh viên xác nhận là tôi “ ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán năm” Với lý do.....

.....
.....
.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

Xác nhận Phòng Công tác Sinh viên

Người làm đơn
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC TẬP
(Dùng cho học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Họ và tên sinh viên:.....

Hộ khẩu thường trú tại:.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:.....

Lớp:.....Khóa:.....

Khoa:.....

Mã sinh viên:.....

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết cấp tiền hỗ trợ học tập theo quy định và chế độ hiện hành./.

Người tiếp nhận hồ sơ

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)